

Số: 2632/TB-SYT

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023.

THÔNG BÁO

V/v thay đổi mức thu, nộp phí trong lĩnh vực y tế và an toàn thực phẩm từ ngày 01/7/2023 đến 31/12/2023

Thực hiện Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, Sở Y tế Quảng Ninh thông báo:

Kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức thu một số khoản phí trong lĩnh vực y tế và An toàn thực phẩm như sau:

1. Phí trong Lĩnh vực Y tế nộp phí bằng 70% mức thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư số 11/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.

2. Phí trong Lĩnh vực Y tế nộp phí bằng 70% mức thu phí quy định tại Mục II; Mục III; các điểm 2, điểm 3, điểm 5, điểm 6, điểm 7, điểm 8, điểm 9 Mục IV; Mục V Biểu mức thu phí trong lĩnh vực y tế ban hành kèm theo Thông tư số 278/2016/TT-BTC.

3. Phí trong công tác an toàn thực phẩm nộp phí bằng 90% mức thu phí quy định tại Biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

(Các mức thu, nộp phí trong phụ lục đính kèm)

4. Kể từ ngày 01/01/2024: Nộp phí trong lĩnh vực y tế theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 11/2020/TT-BTC và Biểu mức thu phí trong lĩnh vực y tế ban hành kèm theo Thông tư số 278/2016/TT-BTC; Nộp phí trong công tác an toàn thực phẩm theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài Chính.

Mức thu phí đối với các thủ tục hành chính khác đang niêm yết tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế không thay đổi.

Sở Y tế Quảng Ninh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc Sở (để b/c)
- Công TTĐT Sở Y tế;
- TT PVHCC tỉnh;
- Lưu VT, VP8.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

Phụ lục 1
Thay đổi mức thu, nộp phí trong lĩnh vực y tế từ ngày 01/7/2023 đến 31/12/2023
(Kèm theo Thông báo số 2632/TB-SYT ngày 30/6/2023 của Sở Y tế Quảng Ninh)

STT	Tên phí	Đơn vị tính	Mức thu cũ (VNĐ)	Mức thu mới (Theo Thông tư 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023) (VNĐ)
1	Thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế	Hồ sơ	3.500.000	2.450.000
2	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng, y tế			
2.1	<i>Thẩm định cấp mới</i>	Hồ sơ	11.000.000	7.700.000
2.2	<i>Thẩm định thay đổi tên</i>	Hồ sơ	5.000.000	3.500.000
2.3	<i>Thẩm định gia hạn</i>	Hồ sơ	4.000.000	2.800.000
2.4	<i>Thẩm định đăng ký lưu hành bổ sung đối với các trường hợp: Thay đổi tên, địa chỉ đơn vị sản xuất, đơn vị đăng ký; thay đổi quyền sở hữu giấy chứng nhận đăng ký lưu hành; cấp lại giấy chứng nhận đăng ký lưu hành; thay đổi địa điểm sản xuất, cơ sở sản xuất và thay đổi về tác dụng, chỉ tiêu chất lượng hoặc phương pháp sử dụng</i>	Lần	2.500.000	1.750.000
3	Thẩm định xác nhận nội dung quảng cáo hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế	Hồ sơ	600.000	420.000

STT	Tên phí	Đơn vị tính	Mức thu cũ (VNĐ)	Mức thu mới (Theo Thông tư 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023) (VNĐ)
4	Thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế	Lần	2.000.000	1.400.000
5	Thẩm định cấp phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng, y tế	Hồ sơ	2.000.000	1.400.000
6	Công bố đủ điều kiện sản xuất, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn	Hồ sơ	300.000	210.000
7	Thẩm định cấp, cấp lại giấy phép hoạt động do bị thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều 48 Luật khám bệnh, chữa bệnh; khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cấp giấy phép hoạt động khi thay đổi địa điểm với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cấp giấy phép hoạt động khi thay đổi quy mô khoa phòng, giường bệnh, cơ cấu tổ chức:	Lần		
7.1	<i>Bệnh viện</i>		10.500.000	7.350.000
7.2	<i>Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình (hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình)</i>		5.700.000	3.990.000
7.3	<i>Phòng khám chuyên khoa theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế (trừ Phòng chẩn trị y học</i>		4.300.000	3.010.000

STT	Tên phí	Đơn vị tính	Mức thu cũ (VNĐ)	Mức thu mới (Theo Thông tư 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023) (VNĐ)
	<i>cổ truyền và Phòng khám chuyên khoa y học cổ truyền quy định tại Điểm d Mục này.</i>			
7.4	<i>Cơ sở dịch vụ y tế theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.</i>		4.300.000	3.010.000
7.5	<i>Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác.</i>		4.300.000	3.010.000
7.6	<i>Phòng chẩn trị y học cổ truyền.</i>		3.100.000	2.170.000
7.7	<i>Phòng khám chuyên khoa y học cổ truyền.</i>		3.100.000	2.170.000
7.8	<i>Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương.</i>		3.100.000	2.170.000
8	Thẩm định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn, bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật:	Lần		
8.1	<i>Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Mục 1 Phần IV Biểu mức thu phí trong lĩnh vực y tế</i>		4.300.000	3.010.000
8.2	<i>Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điểm d Mục 1 Phần IV Biểu mức thu phí trong lĩnh vực y tế</i>		3.100.000	2.170.000
9	Thẩm định cấp phép cơ sở đủ Điều kiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính	Lần	10.500.000	7.350.000
10	Thẩm định cấp giấy phép hoạt động do bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Luật khám bệnh, chữa bệnh;	Lần	1.500.000	1.050.000

STT	Tên phí	Đơn vị tính	Mức thu cũ (VNĐ)	Mức thu mới (Theo Thông tư 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023) (VNĐ)
	cấp lại giấy phép hoạt động khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh			
11	Thẩm định cấp, cấp lại, cấp Điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Lần	360.000	252.000
12	Thẩm định nội dung kịch bản phim, chương trình trên băng, đĩa, phần mềm, trên các vật liệu khác và tài liệu trong quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Lần	1.000.000	700.000
13	Thẩm định cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp bị mất, hư hỏng và thu hồi theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Lần	150.000	105.000
14	Thẩm định cấp giấy chứng nhận lương y	Lần	2.500.000	1.750.000
15	Thẩm định cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền hoặc phương pháp chữa bệnh gia truyền	Lần	2.500.000	1.750.000

Phụ lục 2
Thay đổi mức thu, nộp phí trong công tác an toàn thực phẩm từ ngày 01/7/2023 đến 31/12/2023
(Kèm theo Thông báo số 2632/TB-SYT ngày 30/6/2023 của Sở Y tế Quảng Ninh)

STT	Tên TTHC	Thu phí thẩm định		Ghi chú
		Áp dụng từ ngày 01/7/2023	Áp dụng từ ngày 01/01/2024	
	I. Cấp Tỉnh			
Thủ tục số 1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý ngành Y tế	Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm 900.000 đồng/lần/cơ sở (90% mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)	Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. (Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)	Mức thu phí trong công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: - Kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023 nộp phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của BTC, bằng 90% mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC - Kể từ ngày 01/01/2024 trở đi, mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số
		Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: - Phục vụ dưới 200 suất ăn 630.000 đồng/lần/cơ sở; - Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên 900.000 đồng/lần/cơ sở. (90% mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: - Phục vụ dưới 200 suất ăn 700.000 đồng/lần/cơ sở; - Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. (Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)	
		Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm:	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm:	

		<p>- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 450.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>- Đối với cơ sở sản xuất khác được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.250.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>(90% mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)</p>	<p>- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>- Đối với cơ sở sản xuất khác được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>(Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)</p>	<p>67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC.</p>
<p>Thu tục số 2</p>	<p>Cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi</p>	<p>Phí thẩm định hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi: 1.350.000 đồng/lần/sản phẩm</p> <p>(90% mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)</p>	<p>Phí thẩm định hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi: 1.500.000 đồng/lần/sản phẩm</p> <p>(Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)</p>	<p>Mức thu phí trong công tác vệ sinh an toàn thực phẩm:</p> <p>- Kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023 nộp phí theo quy định của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC, bằng 90% mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC</p>
<p>Thu tục số 3</p>	<p>Cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh</p>	<p>Phí thẩm định hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi: 1.350.000 đồng/lần/sản phẩm</p>	<p>Phí thẩm định hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi: 1.500.000 đồng/lần/sản phẩm</p>	<p>- Kể từ ngày 01/01/2024 trở đi, mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC</p>

	dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	(90% mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)	(Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)	67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC.
Thủ tục số 4	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng y học; thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Phí thẩm định nội dung kịch bản phim, chương trình trên băng, đĩa, phần mềm, trên các vật liệu khác và tài liệu trong quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thuộc lĩnh vực y tế: 990.000 đồng/lần/sản phẩm (90% mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)	Phí thẩm định nội dung kịch bản phim, chương trình trên băng, đĩa, phần mềm, trên các vật liệu khác và tài liệu trong quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thuộc lĩnh vực y tế: 1.100.000 đồng/lần/sản phẩm (Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)	
II. Cấp Huyện				
Thủ tục số 1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý ngành Y tế.	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: - Phục vụ dưới 200 suất ăn 630.000 đồng/lần/cơ sở; (90% mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: - Phục vụ dưới 200 suất ăn 700.000 đồng/lần/cơ sở; (Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC)	Mức thu phí trong công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: - Kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023 nộp phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của BTC, bằng 90% mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC

				- Kể từ ngày 01/01/2024 trở đi, mức thu phí theo quy định tại Biểu phí của Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của BTC.
--	--	--	--	---